

There are no translations available.

Mũi đây, Bộ GDĐT đã có đ thi o v c ch t ch giáo d c đ i h c đ i v i các tr ng công l p trình Chính ph .

Theo đ thi o này, c ch t ch s áp đ ng v i t t c các c s giáo d c ĐH công l p (tr các tr ng ĐH xu t s c và h thi ng tr ng chính tr ).

Đ ki n s có các m c h c phí khác nhau tùy t ng lo i hình t ch tài chính. Trong đó, lo i tr ng t đ m b o chi th ng xuyên và chi đ u t , tr ng có quy n quy t đ nh m c thu h c phí theo nguyên t c bù đ p chi phí và có tích lũy h p lý.

**Điều 5. Học phí đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp**

1. Mức trần học phí đối với các chương trình đào tạo đại trà trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục công lập chưa tự bảo đảm kinh phí chi thường xuyên và chi đầu tư áp dụng theo các khối ngành, chuyên ngành đào tạo từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021, kể cả các cơ sở giáo dục đại học được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt để án thực hiện thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động như sau:

Đơn vị: 1.000 đồng/mảng/điểm/niên

Khối ngành, chuyên ngành đào tạo	Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2017-2018	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021
1. Khoa học xã hội, kinh tế, luật, nông, lâm, thủy sản	1.750	1.850	2.050
2. Khoa học tự nhiên, kỹ thuật, công nghệ, thể dục thể thao, nghệ thuật, khách sạn, du lịch	2.050	2.200	2.400
3. Y dược	4.400	4.600	5.050

2. Mức trần học phí đối với các chương trình đào tạo đại trà trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục công lập chưa tự bảo đảm kinh phí chi thường xuyên và chi đầu tư áp dụng theo các khối ngành, chuyên ngành đào tạo từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021 như sau:

Khối ngành, chuyên ngành đào tạo	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021
1. Khoa học xã hội, kinh tế, luật, nông, lâm, thủy sản	610	670	740	810	890	980
2. Khoa học tự nhiên, kỹ thuật, công nghệ, thể dục thể thao, nghệ thuật, khách sạn, du lịch	720	790	870	960	1.060	1.170
3. Y dược	890	970	1.070	1.180	1.300	1.430

Trích NĐ 86/2015/NĐ-CP v m c tăng h c phí đ i v i tr ng t ch toàn di n và tr ng ch a t ch .

Đ c bi t, đ i v i lo i tr ng t đ m b o chi th ng xuyên s ph i áp đ ng m c đóng h c phí m i đ i phù h p v i đ án th c hi n thí đ i m đ i m i c ch h o t đ ng.

M c h c phí c th áp đ ng vào năm h c 2020-2021 s là 2,05 - 5,05 tri u đ ng/sinh viên/tháng. Áp đ ng theo tùy t ng nhóm ngành đào o khác nhau.

N u so v i m c h c phí khi ch a áp đ ng đ thi o trên c a Bộ GDĐT, các tr ng đ i h c đã t ch tài chính s ph i đóng cao g p 2 đ n 3,5 l n so v i hi n nay (m c 980.000 – 1,43 tri u đ ng/sinh viên/tháng).

Còn so với học phí trường đại học công lập chẵn năm nay 7,4-10,7 triệu đồng/năm học 2017-2018 thì mức học phí trên sẽ tăng gấp 2,8 đến 4,7 lần.

Với trường đại học quy mô nhỏ thu đủ bù đắp hoàn toàn các khoản chi thường xuyên và chi đầu tư, học phí có thể còn cao hơn nữa.

Đôi với điều kiện này, nhiều ý kiến cho rằng đây sẽ là giải pháp tốt nhất để nâng cao chất lượng đào tạo.

“Việc tăng học phí là tất yếu, là thuộc tính của ĐH. Trường không chỉ có tăng học phí, mà còn tăng chi phí mua sắm thiết bị, vận hành máy, chi phí khác. Tuy nhiên, mục tiêu nâng cao chất lượng, trường ĐH phải có tiền để đầu tư, nên tăng học phí là tất yếu. Nhưng rõ ràng, người học không đóng thì Nhà nước phải hỗ trợ, Nhà nước không chi thì người học phải đóng. Không thì nhà trường lấy đâu kinh phí để đầu tư cho chi phí giảng dạy, trang thiết bị, trợ cấp cho giảng viên...” – PGS.TS Trần Văn Trung, Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, bày tỏ quan điểm.

Tuy nhiên, câu hỏi đặt ra: Trường đại học nghĩa vụ với việc tăng học phí, nhà giáo có thể thu được với tăng chi phí giảng dạy và giảm được tình trạng cơ nhân thất nghiệp?

Trong khi, việc tăng học phí chắc chắn sẽ là một gánh nặng với sinh viên nghèo.

Link nguồn:

<https://laodong.vn/giao-duc/hoc-phi-dai-hoc-cong-lap-se-tang-len-50-trieu-dongnam-571744.lido>

ĐANG CHUNG